TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2023
Về việc tranh chấp *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Văn Sỹ**
Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Kim Tuyến** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Võ Phước Khánh Toàn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về *"tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Y, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần Quốc T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Quốc T và bà Phan Thị Y kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sinh sống tại phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Trong quá trình sinh sống thì từ năm 2006 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung về mọi vấn đề trong cuộc sống, không có sự sẻ chia. Bản thân bà Y cũng thấy được mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên vào tháng 03/2023, bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn sau đó được hòa giải viên hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, từ đó đến nay vợ chồng cũng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về quan hệ con chung:* Ông Trần Quốc T xác nhận vợ chồng có 02 (hai) người con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 01/9/2000 và Trần Phương H1, sinh ngày 05/02/2005. Các con đã trưởng thành nên ông Trần Quốc T không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông Trần Quốc T khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn - bà Phan Thị Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Bản tự khai ngày 20.6.2023 và Biên bản hòa giải ngày 20.6.2023 trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phan Thị Y và ông Trần Quốc T kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sinh sống tại phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Trong quá trình sinh sống thì bà Phan Thị Y thừa nhận thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Phan Thị Y phát hiện ông T không chung thủy, qua lại với người phụ nữ khác. Bà Phan Thị Y xác nhận hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, người nào chỉ biết bổn phận người đó, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, bà Phan Thị Y cần thêm thời gian để suy nghĩ và quyết định mọi việc.

- *Về quan hệ con chung:* Bà Phan Thị Y xác nhận vợ chồng có 02 (hai) người con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 01/9/2000 và Trần Phương H1, sinh ngày 05/02/2005. Các con đã thành niên nên bà Phan Thị Y không đề cập đến.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Phan Thị Y xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Phan Thị Y vắng mặt tại các phiên hòa giải tiếp theo và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư

ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS; mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham dự phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Trần Quốc T được ly hôn với bà Phan Thị Y; các con chung Trần Quốc H, sinh ngày 01/9/2000 và Trần Phương H1, sinh ngày 05/02/2005 đã thành niên nên không xem xét, giải quyết; các bên đương sự khai nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn bà Phan Thị Y với bị đơn ông Trần Quốc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Bị đơn bà Phan Thị Y được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Phan Thị Y vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Phan Thị Y.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T đối với bà Phan Thị Y thì thấy:

[2.1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Ông Trần Quốc T và bà Phan Thị Y kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo

Giấy chứng nhận ký kết hôn số 115 ngày 16.9.1999, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Y và ông Trần Quốc T thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân. Bà Phan Thị Y trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không chung thủy nhưng cũng không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, bản thân bà Y xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đã gửi đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn và được Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu ra Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 01/2023/QĐCNHGT-HNGĐ ngày 13.4.2023. Chính quyền địa phương nơi ông T và và Y chung sống xác nhận việc giữa ông T, bà Y có xảy ra mâu thuẫn là sự thật. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Y trình bày nguyện vọng đoàn tụ gia đình nhưng thực tế hai vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, những lần hòa giải tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Phan Thị Y vắng mặt không có lý do, bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà Y và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Quốc T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] ***Về quan hệ con chung:*** Bà Phan Thị Y và ông Trần Quốc T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 01/9/2000 và Trần Phương H1, sinh ngày 05/02/2005. Các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

HĐXX xét thấy các con chung đã thành niên nên bà Y, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung khi ly hôn là phù hợp.

[2.3] ***Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung:*** Bà Phan Thị Y và ông Trần Quốc T khai nhận không có tài sản chung, không nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), ông Trần Quốc T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" của ông Trần Quốc T đối với bà Phan Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Quốc T được ly hôn bà Phan Thị Y.

2. Về quan hệ con chung**:** Các con chung Trần Quốc H, sinh ngày 01/9/2000 và Trần Phương H1, sinh ngày 05/02/2005 đã thành niên nên HĐXX không xem xét.

3. Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Quốc T và bà Phan Thị Y khai nhận không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), ông Trần Quốc T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007935 ngày 26.4.2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Phan Thị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- UBND phường N, quận L;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 16.9.1999)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh